

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2024/LĐ-ST

Ngày: 21-6-2024.

V/v tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Văn Thị Thanh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Minh Tùng – Chủ tịch công đoàn trường THPT thành phố Bến Cát.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh – Thư ký Ban Giám đốc xí nghiệp phát triển Mỹ Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLST-LĐ ngày 27/02/2024 về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-LĐ ngày 26/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/QĐST-LĐ ngày 24/5/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Mai Văn C, sinh năm 1979; trú tại: Tổ A, ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bùi Thị Khánh L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số B, đường H, khu phố B, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Là đại diện theo ủy quyền, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 08/11/2023. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty TNHH Đ; địa chỉ trụ sở: Số H, khu phố A, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp:** Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1972 – Giám đốc. Là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm Xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng K - Giám đốc. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên trình bày:*

Ông C là công nhân Công ty TNHH Đ (sau đây gọi là Công ty Đ) từ tháng 07/2004 đến tháng 10/2019. Thời gian làm công nhân tại Công ty Đ ông C có tham gia đóng bảo hiểm xã hội và được B (nay là thành phố) B cấp cho Sổ bảo hiểm xã hội số 9104118536 (cấp lần 2) ngày 11/11/2017. Thời gian ông C đóng bảo hiểm xã hội là 11 năm 02 tháng. Đến ngày 31/10/2019 ông C nghỉ việc ở Công ty Đ theo Quyết định số 01/QĐ. Tuy nhiên, sau khi nghỉ việc ông C có liên hệ Công ty Đ để nhận tiền bảo hiểm xã hội thì phát hiện Công ty Đ không đóng bảo hiểm xã hội cho ông C từ tháng 09/2015 đến thời điểm 31/10/2019 (04 năm 02 tháng). Việc Công ty Đ không đóng đủ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho ông C là vi phạm quy định tại Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội gây thiệt hại và ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông C. Do đó, ông Mai Văn C yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Đ có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho ông C theo thời gian ông C tham gia bảo hiểm xã hội là 11 năm 02 tháng để ông C có cơ sở yêu cầu Bảo hiểm Xã hội thành phố B chi trả tiền bảo hiểm xã hội cho ông C đúng và đủ với thời gian ông C tham gia bảo hiểm xã hội. Ngày 22/3/2024, ông C có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó: Ông Mai Văn C yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Đ có trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp cho ông C theo thời gian ông C đã làm việc cho đến thời điểm ông C chấm dứt hợp đồng lao động là từ tháng 9/2015 đến tháng 10/2019 tại cơ quan Bảo hiểm Xã hội thành phố B để cơ quan Bảo hiểm Xã hội thành phố B chốt sổ bảo hiểm và giải quyết chế độ bảo hiểm với tổng số tiền các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp phải đóng cho ông C là 61.246.300 đồng.

*\* Bị đơn Công ty TNHH Đ:* Bị đơn đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 208, Điều 220, Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đại diện Công ty không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bảo hiểm Xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương:* Trong quá trình tố tụng Bảo hiểm xã hội thành phố B đã có công văn phúc đáp cho Tòa án về quá trình đóng bảo hiểm của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và được giải quyết vắng mặt.

*\* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến tranh tụng của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông **Mai Văn C** khởi kiện bị đơn **Công ty TNHH Đ** yêu cầu Tòa án buộc bị đơn truy đóng tiền bảo hiểm xã hội và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Do đó, quan hệ pháp luật xác định là tranh chấp về bảo hiểm xã hội quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại: **Số H, khu phố A, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Công văn số 390/ĐKKD ngày 26/3/2024 của Phòng Đăng ký kinh doanh - **Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B** và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Đ** là bà **Nguyễn Thị Kim P**, có chỗ ở hiện tại: **Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương**, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ Công ty và địa chỉ chỗ ở của người đại diện theo pháp luật tại: **Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương** là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn:

Đại diện hợp pháp nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà **Nguyễn Thị Kim P** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bà **Nguyễn Thị Kim P** cũng không có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông **Mai Văn C** yêu cầu Tòa án buộc **Công ty TNHH Đ** có trách nhiệm đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp cho ông

C theo thời gian ông C đã làm việc cho đến thời điểm ông C chấm dứt hợp đồng lao động là từ tháng 9/2015 đến tháng 10/2019 tại B (nay là thành phố) B để cơ quan Bảo hiểm Xã hội thị xã (nay là thành phố) B chốt sổ bảo hiểm và giải quyết chế độ bảo hiểm với tổng số tiền các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp phải đóng cho ông C là 61.246.300 đồng.

Nguyên đơn ông C làm việc tại Công ty Đ từ tháng 01/2011 đến tháng 10/2019, Công ty Đ đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho ông C từ tháng 02/2011 theo quy định tại khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội. Căn cứ Công văn số 193/CV-BHXXH ngày 25/4/2024 của đại diện hợp pháp Bảo hiểm Xã hội thành phố B xác định ông Mai Văn C, Sổ bảo hiểm số 9104118536 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Đ từ tháng 01/2011 và Công ty Đ tham gia bảo hiểm xã hội cho ông C đến tháng 10/2019. Tuy nhiên, tính đến tháng 10/2019 Công ty Đ nợ B (nay là thành phố) Bền Cát số tiền 222.572.055 đồng, nợ từ tháng 02/2017. Ông C làm việc tại Công ty Đ đến ngày 31/10/2019 thì nghỉ việc nên thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông C tính đến hết tháng 10/2019. Như vậy, việc Công ty trích lương của ông C hàng tháng nhưng không nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông C là vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội, khoản 3 Điều 47 Bộ luật Lao động. Tuy nhiên, ông C yêu cầu Công ty Đ truy đóng các khoản tiền bảo hiểm cho ông C từ tháng 9/2015 đến tháng 10/2019 nhưng căn cứ theo văn bản trả lời của cơ quan Bảo hiểm Xã hội thành phố B thì Công ty Đ ngừng đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2017. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bền Cát tại phiên tòa là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào Điều 32; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 17; Điều 18; Điều 19; Điều 21; Điều 85; Điều 86; khoản 2 Điều 89 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn C đối với bị đơn Công ty TNHH Đ về việc: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”.

Buộc Công ty TNHH Đ có trách nhiệm tham gia bảo hiểm xã hội cho ông Mai Văn C tại Bảo hiểm Xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương từ tháng 02/2017 đến tháng 10/2019. Mức đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty TNHH Đ thực hiện xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội cho ông Mai Văn C theo quy định pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Văn Thị Thanh Trúc**